

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và bà Hoàng Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2019/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T – có mặt.

Địa chỉ: Thôn TB, xã TH, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

- Bị đơn: Anh Lê Văn Q – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn TB, xã TH, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn Q kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Việc đăng ký kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm và cãi nhau, anh Q sống không có trách nhiệm với gia đình, tự ý bỏ nhà đi xa, không quan tâm đến vợ con. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hiện nay chị

T đã sống ly thân với anh Q, chị T xác định không còn tình cảm và không thể chung sống với anh Q nữa.

Trong quá trình chung sống chị T và anh Q có 01 con chung là cháu: Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 03/7/2011 hiện đang sống với chị T.

Chị T đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 03/7/2011 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Q trình bày: Anh Q thừa nhận lời trình bày của chị T về tình trạng hôn nhân của anh với chị T và vấn đề con chung là đúng. Anh Q cũng đồng ý quan điểm của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, hiện tại anh và chị T đã sống ly thân, anh Q cũng không còn tình cảm với chị T nhưng muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, nếu chị T cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Nếu vợ chồng ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn, nuôi con, đề nghị giải quyết cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Q, giao cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 03/7/2011 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Giấy đăng ký kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con; sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (bản chứng thực) đây là tình tiết, sự kiện các bên đương sự đã thống nhất nên không phải chứng minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Lê Thị T khởi kiện anh Lê Văn Q về Việc “Ly hôn, tranh chấp con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, nơi cư trú: thôn TB, xã TH, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đồng thời chị T và anh Q đã có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết tranh chấp về việc ly hôn, con chung. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu chung sống anh chị hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau dẫn đến tình trạng cãi vã, không tôn trọng nhau và sống thiếu trách nhiệm với nhau. Về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng cả chị T và anh Q đều thừa nhận. Chị T khẳng định vợ chồng đã sống ly thân và không thể đoàn tụ được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh Q có 01 con chung là cháu: Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 03/7/2011. Chị T đề nghị được nuôi dưỡng cháu sau khi ly hôn, anh Q đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, hiện nay chị T và anh Q đã sống ly thân, kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu V vẫn đang sống cùng chị T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và theo nguyện vọng của cháu V muốn được sống với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Chị T, anh Q được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con khi có căn cứ cho rằng việc nuôi dưỡng, chăm sóc con không đảm bảo sự phát triển bình thường của con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song về nội dung vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Tường V, sinh ngày 03/7/2011 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh Q có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai có quyền cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh Q lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q.

Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị Lê Thị T phải chịu toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị T đã nộp theo biên lai số 0002312 ngày 23/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Triệu

